TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CT** **TỈNH TIỀN GIANG** Bản án số: 288 /2019/HNGĐ-ST Ngày 09 - 5 - 2019 V/v **Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**;

Các hội thẩm nhân dân:

+ Ông: **Mai Văn Bé** ;

+ Ông : **Nguyễn Đức Duy** ;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Duy Ngọc Thái** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CT mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 801/2018/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc: "tranh chấp ly hôn và nuôi con "

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐST-HN ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn***: Hà Thị Kim E,** sinh năm 1993**;** Nơi cư trú: ấp X, xã H, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* **Phạm Công Đ,** sinh năm 1993**;** Nơi cư trú: ấp X, xã H, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2018, Tờ tự khai cũng như trong quá trình giải quyết nguyên đơn Hà Thị Kim E trình bày:**

Chị và anh Phạm Công Đ sống chung với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện P vào năm 2016. Từ khi kết hôn, anh chị sống không hạnh phúc hai bên không có tình cảm với nhau. Chị và anh Đ sống chung khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ không yêu thương, quan tâm chị, mọi việc đều nghe lời gia đình gây khó khăn cho chị, dẫn đến chị không thể sống chung với anh Đ được nữa. Chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và cắt đứt quan hệ vợ chồng với anh Đ từ tháng 06/2017 cho đến nay. Thời gian ly thân đã lâu, chị thấy không còn tình cảm, không còn yêu thương anh Đ nữa; Cha mẹ hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không hòa thuận được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có cho thời gian 01 tháng để vợ chồng tự hòa giải hán gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ cũng không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ. Vì khi tới thăm con, anh Đ không quan tâm cũng không nói chuyện với chị. Chị thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Trong thời gian sống chung vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Đăng K sinh ngày 17/02/2017. Từ khi ly thân, cháu Khoa do chị trực tiếp nuôi dưỡng cuộc sống ổn định, đảm bảo về mặt vật chất và tinh thần. Chị yêu cầu Tòa giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Phạm Công Đ.

- Về nuôi con chung: chị Hà Thị Kim E yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Đăng Khoa.

- Về cấp dưỡng: Chị E cho rằng hiện nay chị có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con nên thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh Phạm Công Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

*** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Phạm Công Đ trình bày:**

Vợ chồng tính tình không hợp nhau, sống chung không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cự cải. Chị E còn mâu thuẫn với gia đình bên anh, không sống chung được nên đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và cắt đứt quan hệ vợ chồng với anh hơn một năm nay. Anh thừa nhận trong thời gian sống chung có lạnh nhạt và

không quan tâm lo lắng cho vợ con nhiều. Tuy nhiên anh còn thương vợ, con mong muốn được hàn gắn và xin thời hạn 01 tháng kể từ ngày 22/02/2019 để anh tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu không hàn gắn được thì anh có ý kiến đối với yêu cầu của chị Hà Thị Kim E như sau:

- Về hôn nhân: anh đồng ý ly hôn với chị Hà Thị Kim E;

- Về con chung: Vợ chồng có 01con chung tên Phạm Đăng K sinh ngày 17/02/2017, hiện do chị E đang trực tiếp nuôi dưỡng, chị chăm sóc con đầy đủ sức khỏe. Anh nhận thấy chị E đủ điều kiện nuôi con. Nếu không đoàn tụ được thì anh đồng ý giao con chung cho chị E trực tiếp nuôi dưỡng.

- Tài sản chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phạm Công Đ đã được Tòa án Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập hợp lệ nhiều lần để động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho anh chị đoàn tụ nhưng anh Đ không tham gia hòa giải, vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:**

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào quy định Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị Kim E: Cho chị Hà Thị Kim E và anh Phạm Công Đ ly hôn; Về nuôi con chung để đảm bảo ổn định cuộc sống cho cháu Phạm Đăng K, đề nghị giao con chung cho chị E trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không xem xét do các bên không tranh chấp.

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, HĐXX, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng thủ tục tố tụng. Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ có mặt khi Tòa án triệu tập. Đến thời điểm trước khi nghị án, Viện kiểm sát không có kiến nghị bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Hà Thị Kim E yêu cầu ly hôn với anh Phạm Công Đ và yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử (HĐXX) xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con .

[2] Về thủ tục tố tụng:

Xét bị đơn Phạm Công Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Công Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Hà Thị Kim E và anh Phạm Công Đ sống chung có đăng ký kết hôn năm 2016 theo đúng quy định Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét lời khai chị Hà Thị Kim E về nguyên nhân mâu thuẩn, điều kiện nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung được anh Phạm Công Đ thừa nhận tại phiên đối chất. Do vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xác định các tình tiết nêu trên là sự thật.

Xét quá trình sống chung : anh chị sống không hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải nhau. Chị E cũng cho rằng tình cảm vợ chồng đã lạnh nhạt, chị không còn yêu thương anh Đ nữa và cắt đứt quan hệ gần 02 năm. Anh Đ xin thời hạn một tháng kể từ ngày 22/02/2019 để anh tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh không thực hiện. Tòa án tổ chức hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng anh Đ không tham gia hòa giải, không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa chị E và anh Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị Kim E.

Xét ý kiến của anh Phạm Công Đ: anh không đồng ý ly hôn với chị Hà Thị Kim E. Tuy nhiên anh Đ không có thiện chí gặp chị E để hòa giải, tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, HĐXX không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của anh Đ.

[4] ***Về nuôi con chung:*** Cháu Phạm Đăng K chưa đủ 18 tuổi nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha hoặc mẹ. Chị Hà Thị Kim E yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, chị E có đủ điều kiện về đạo đức, sức khỏe và các điều kiện cần thiết để nuôi con; Từ khi chị và anh Đ không còn sống chung, cháu K do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cũng đảm bảo, cuộc sống đã ổn định. Hơn nữa, cháu Khoa dưới 36 tháng tuổi nên cần giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của trẻ. Anh Đ cũng có ý kiến thống nhất giao cháu khoa cho chị E trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu giao con chung cho chị Hà Thị Kim

E trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] ***Về cấp dưỡng:*** chị Hà Thị Kim E trình bày hiện tại chị đủ điều kiện để nuôi con chưa yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. HĐXX ghi nhận và không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng.

[6] ***Về tài sản chung:*** Các đương sự không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét.

[7] ***Về nợ chung***: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết. HĐXX không xem xét.

[8] ***Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát*** là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích trên. HĐXX chấp nhận.

[9] ***Về án phí:*** Chị Hà Thị Kim E phải chịu án phí DSST trong vụ án ly hôn theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

<u>Áp dụng:</u> Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự;
Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình ;
Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Xử: C**hấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị Kim E.**

- Về hôn nhân: Cho chị Hà Thị Kim E ly hôn với anh Phạm Công Đ.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Đăng Khoa sinh ngày 17/02/2017 cho chị Hà Thị Kim E trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Công Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét.

- Tài sản chung: không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Chị Hà Thị Kim E phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Hà Thị Kim E đã nộp theo biên lai thu số 0009105 ngày 14/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT.

- **Về quyền kháng cáo**: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND.TG
- VKSND.huyện CT;
- Chi cục THADS. huyện CT;
- UBND xã K, P;
- Các Đ/S
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thanh Nhàn